TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 01-3-2021
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quang Minh;

Ông Nguyễn Trường Hận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 01 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 788/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Như Y, sinh năm 1997 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Lê Minh L, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 11 năm 2020 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn chị Trần Như Y trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Chị Trần Như Y và anh Lê Minh L kết hôn với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống đến cuối năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đến tháng 4 năm 2020 chị Y về nhà cha mẹ ruột ở ấp Tân Phong, xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên vợ chồng sống ly

thân cho đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể khắc phục được, cho nên chị Y yêu cầu ly hôn với anh L.

- Về con chung: Có 01 người con tên Lê Trần Bảo N, sinh ngày 29/8/2018 (nữ), hiện sống chung với chị Y, do con còn nhỏ nên khi ly hôn chị Y yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc con là Bảo N.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Y yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn anh Lê Minh L:* Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, đã hết thời hạn theo quy định pháp luật mà anh L không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu xin ly hôn của chị Y. Đồng thời, Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ 02 lần thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh L không tham gia nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Trần Như Y có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Bị đơn anh Lê Minh L đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh L là đúng với quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị Trần Như Y và anh Lê Minh L kết hôn với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 03 ngày 09 tháng 01 năm 2018. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của chị Y và anh L được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ thời điểm đăng ký.

Xét thấy, chị Y xin ly hôn là vì trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, tháng 4 năm 2020 chị Y về nhà cha mẹ ruột ở ấp Tân Phong, xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên vợ chồng sống ly thân cho

đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể khắc phục được, cho nên chị Y yêu cầu ly hôn với anh L. Mặt khác, anh L đã được Tòa án thông báo hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng anh L vẫn vắng mặt, từ đó cho thấy anh L không có thiện chí mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa chị Y với anh L. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị Y và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho nhau nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y. Chị Y được ly hôn với anh L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: Chị Y xác định có 01 người con tên Lê Trần Bảo N, sinh ngày 29/8/2018 (nữ), hiện sống chung với chị Y, do con còn nhỏ nên khi ly hôn chị Y yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc con là Bảo N. Xét thấy, từ khi chị Y và anh L sống ly thân cho đến nay thì cháu N vẫn sống chung với chị Y, cháu N dưới 36 tháng tuổi và cuộc sống của cháu đã được ổn định nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Y, giao con tên Lê Trần Bảo N, sinh ngày 29/8/2018 (nữ) cho chị Y được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc.

Anh L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Y yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, do anh L vắng mặt nên không có ý kiến. Tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Cha mẹ không trực tiếp nuôi con thì có nghĩa vụ cấp dưỡng"*, do đó buộc anh L cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét mức cấp dưỡng thì chị Y không chứng minh được khả năng kinh tế của anh L và yêu cầu cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Theo quy định của pháp luật thì mức cấp dưỡng không thấp hơn ½ mức lương cơ sở (lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng), do đó buộc anh L cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi cháu Bảo N tròn 18 tuổi.

Trường hợp anh L chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nói trên, thì anh L còn phải chịu thêm phần lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ.

[4] Về chia tài sản chung và nợ chung: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự *"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng, người khởi kiện yêu cầu ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp chận cho ly hôn đều phải chịu án phí nên chị Y phải chịu nộp 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

Án phí cấp dưỡng định kỳ không giá ngạch 300.000 đồng anh L phải chịu nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Như Y. Chị Trần Như Y được ly hôn với anh Lê Minh L.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Trần Như Y nuôi dưỡng và chăm sóc con tên Lê Trần Bảo N, sinh ngày 29/8/2018 (nữ).

Anh L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh L phải cấp dưỡng cho con là 1.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi cháu Bảo N tròn 18 tuổi.

Trường hợp anh L chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nói trên, thì anh L còn phải chịu thêm phần lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ.

4. Về chia tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng, chị Y phải chịu nộp án phí 300.000 đồng, chị Y có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004277 ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu, không phải nộp tiếp.

Án phí cấp dưỡng định kỳ không giá ngạch 300.000 đồng anh L phải chịu nộp.

"Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H.Trần Văn Thời;
- UBND xã Phong Điền, H.Trần Văn Thời;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tạo